BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Số: 1415/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành quy định chế độ làm việc của giảng viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định 372/CP ngày 17 tháng 12 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
Căn cứ Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 07 năm 2020 về việc quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;
Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2020 - 2021 và thay thế quyết định số 1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Phòng Hành chính, Tổng hợp, các đơn vị liên quan và toàn thể cán bộ, giảng viên Trường đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, NTHH(25).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU-ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Số: 1415/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIẢNG VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, bao gồm: Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Quy định này áp dụng đối với công chức, viên chức có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên, giảng viên tập sự, giảng viên dạy thực hành, trợ giảng và giảng viên hợp đồng đang làm công tác giảng dạy tại Trường (gọi chung là giảng viên).

Điều 2. Mục đích

1. Làm căn cứ để phân công, bố trí, sử dụng, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động đối với giảng viên.

2. Làm căn cứ để kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xây dựng chính sách, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

PHẦN II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIẢNG VIÊN

Điều 3. Giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy trình độ cao đẳng, đại học trở lên; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp cao đẳng, đại học; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo). Chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

d) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho tổ, nhóm chuyên môn;

đ) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của bộ môn và chuyên ngành;

e) Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g) Tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của sinh viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

h) Tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

i) Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

k) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;

l) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I);

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

- Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn 01 (một) nghiên cứu sinh bằng 01 (một) công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước.

- Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp hai lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Chủ trì biên soạn ít nhất 02 (hai) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

e) Có ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học đã được công bố, bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học; báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo; kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ (sau đây gọi chung là bài báo khoa học);

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên chính (hạng II) lên chức danh giảng viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên chính (hạng II) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 4. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học;

b) Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

đ) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học;

e) Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

h) Tham gia hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

i) Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

k) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;

l) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II);

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

đ) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 5. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03

1. Nhiệm vụ:

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học. Giảng viên trong thời gian làm công tác trợ giảng thực hiện hỗ trợ giảng viên, giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài;

b) Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c) Tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; tham gia đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;
d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo;
đ) Tổ chức và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất;
e)Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;
g) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;
h) Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
i) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.
2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:
a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:
a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
b) Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;
c) Biên soạn giáo án, tập hợp các tài liệu tham khảo liên quan của bộ môn, chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm;
d) Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng, triển khai những kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào công tác giáo dục và đào tạo, sản xuất và đời sống;
đ) Có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên.

Điều 6. Giảng viên có chức danh Phó giáo sư, Giáo sư ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên quy định tại Điều 3 của Quy định này còn phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy

định tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư; thủ tục xét hủy công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.

Điều 7. Trợ giảng

Tham gia hỗ trợ giảng viên có chức danh cao hơn trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thực hành và chấm bài;

PHẦN III
QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 8. Thời gian làm việc

Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

Điều 9. Giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ chuẩn giảng dạy

1. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

2 Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy.

3. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định là 300 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương 900 giờ hành chính; trong đó Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

Điều 10. Định mức giờ chuẩn đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy là 300 giờ chuẩn/năm)

Stt	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức tối thiểu
1	Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và tương đương	15%
2	Phó chủ tịch Hội đồng trường, Phó hiệu trưởng và tương đương	20%
3	Trưởng phòng, Thư ký Hội đồng trường và tương đương,	25%

4	Phó trưởng phòng và tương đương	30%
5	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa và tương đương	
a)	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	- Trưởng khoa	60%
	- Phó trưởng khoa	70%
b)	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	
	- Trưởng khoa	70%
	- Phó trưởng khoa	80%
6	Trưởng bộ môn	80%
7	Phó Trưởng bộ môn, Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập	85%
8	Bí thư đảng ủy	15%
9	Phó bí thư đảng ủy	30%
10	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công	85%
11	Phó bí thư chi bộ	90%
12	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương	80%
13	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.	
14	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.	

15	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường hợp đặc biệt

a) Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn, đồng thời được miễn giảm giờ nghiên cứu khoa học để dành thời gian dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế. Sau 02 năm, giảng viên phải hoàn thành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ngạch giảng viên, nếu không sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành.

b) Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

c) Giảng viên làm việc tại các phòng ban và tương đương chỉ được dạy tối đa định mức sau khi được giảm trừ theo chức danh và 50% của vượt giờ theo quy định của pháp luật về lao động.

d) Giảng viên trợ giảng được tính 20% giờ chuẩn giảng dạy của người hướng dẫn, nhưng chỉ được tính vào hoàn thành nhiệm vụ, không được tính thanh toán.

e) Giảng viên hưởng chế độ và kiêm nhiệm công tác quản lý khác

Stt	Giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý khác	Giảm trừ định mức
1	Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	41 giờ chuẩn
2	Giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý khoa	30%
3	Giảng viên phục vụ các phòng chức năng, phòng thực hành	20%
4	Giảng viên kiêm nhiệm công tác Văn phòng Đảng ủy	30%
5	Giảng viên làm việc tại các phòng, ban	50%
6	Giảng viên làm việc tại Trung tâm thực hành Sân khấu – Điện ảnh + Giám đốc + Phó giám đốc + Giảng viên	 50% 40% 20%

Điều 11. Quy đổi ra giờ chuẩn

1. Quy đổi giờ giảng dạy

Stt	Nội dung	Quy đổi	Ghi chú
1	**Đào tạo đại học** 01 tiết đệm đàn khối diễn viên kịch hát dân tộc, sân khấu, múa	2/3 giờ chuẩn	
2	**Đào tạo hệ vừa làm vừa học**: 01 tiết lý thuyết	1.2 giờ chuẩn	
3	**Đào tạo cao học**: 01 tiết chuyên đề, lý thuyết	1.5 giờ chuẩn	
4	**Đào tạo tiến sĩ**: 01 tiết chuyên đề, lý thuyết	2 giờ chuẩn	

5	**Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài đối với môn không phải là ngoại ngữ:**		
	Đào tạo đại học : 01 tiết giảng dạy	1.5 giờ chuẩn	
	Đào tạo cao học : 01 tiết giảng dạy	1.7 giờ chuẩn	
	Đào tạo tiến sĩ: 01 tiết giảng dạy	2 giờ chuẩn	
6	**Đối với lớp đông sinh viên**		
6.1	**Đào tạo đại học**		Việc ghép lớp áp dụng cho tất cả các môn học. Các môn chuyên môn, Ngoại ngữ, Tin học không ghép quá 30 sinh viên/lớp
	Lớp bằng và dưới 40 sinh viên	Hệ số 1	
	Lớp từ 41 đến 60 sinh viên	Hệ số 1.2	
	Lớp từ 61 sinh viên trở lên	Hệ số 1.5	
6.2	**Đào tạo Thạc sỹ**		
6.2.1	***Đối với các môn kiến thức chung và kiến thức cơ sở:***		
	Lớp bằng và dưới 30 học viên:	Hệ số 1	
	Lớp từ 31 đến 50 học viên	Hệ số 1.2	
	Lớp từ 51 học viên trở lên:	Hệ số 1.5	
6.2.2	***Đối với các môn kiến thức chuyên ngành và liên ngành***		
	Lớp 20 học viên	Hệ số 1	
	Lớp từ 21 đến 30 học viên:	Hệ số 1.2	
	Lớp từ 31 học viên trở lên:	Hệ số 1.5	
6.3	**Đào tạo Tiến sỹ**		
6.3.1	***Đối với các môn kiến thức chung và kiến thức cơ sở***		
	Lớp bằng và dưới 10 NCS	Hệ số 1	
	Lớp từ 11 NCS đến 20 NCS	Hệ số 1.2	
	Lớp từ 21 NCS trở lên:	Hệ số 1.5	
6.3.2	***Đối với các môn kiến thức chuyên ngành và liên ngành***		
	Lớp 5 NCS	Hệ số 1	
	Lớp từ 6 đến 10 NCS	Hệ số 1.2	
	Lớp từ 11 đến 20 NCS	Hệ số 1.4	

	Lớp từ 21 NCS trở lên	Hệ số 1.5	
7	**Hướng dẫn sinh viên đi thực tế, thực tập ở ngoài Trường** (chụp ảnh, quay phim, vẽ...) theo kế hoạch trong chương trình đào tạo	1 ngày làm việc (8 giờ) = 2.7 giờ chuẩn	Nếu đã được thanh toán theo chế độ thì không được quy đổi

2. Quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi kết thúc học phần

Stt	Nội dung	Giờ quy đổi	Ghi chú
1	**Coi thi học kỳ, kết thúc học phần**		Giờ quy đổi chấm thi và coi thi tính cả cho giảng viên trực tiếp giảng dạy
1.1	Thi viết		
	Môn thi có thời gian thi 150 phút trở xuống	1.5 giờ chuẩn	
	Môn thi có thời gian thi 150 phút trở lên	2 giờ chuẩn	
1.2	Thi vấn đáp, thi thực hành		
	Lớp dưới 30 SV	2 giờ chuẩn/1 buổi	
	Lớp từ 30 SV trở lên	3 giờ chuẩn/1 buổi	
2	**Chấm thi học kỳ, kết thúc học phần**		
2.1	Thi viết		
	Thời gian thi dưới 150 phút: 10 bài	1 giờ chuẩn	
	Thời gian thi trên 150 phút : 8 bài	1 giờ chuẩn	
2.2	Thi vấn đáp, thi thực hành		
	6 sinh viên	1 giờ chuẩn	

Điều 12. Nguyên tắc tính giờ định mức và vượt định mức

a) Đối với giảng viên giảng dạy cả trình độ đại học và sau đại học nếu vượt giờ định mức thì số giờ dạy ở trình độ nào nhiều hơn thì được tính thanh toán vượt giờ theo định mức của trình độ đó.

b) Giảng viên được bổ nhiệm, luân chuyển, điều động...ở học kỳ nào thì được tính định mức ở học kỳ đó

c) Đối với cán bộ làm việc tại các phòng, ban, trung tâm thực hành Sân khấu – Điện ảnh không hưởng ngạch lương giảng viên mà tham gia giảng dạy được thanh toán 100% giờ dạy và chỉ được dạy tối đa định mức của một giảng viên.

d) Đối với cán bộ làm việc tại các khoa không hưởng ngạch lương giảng viên mà tham gia giảng dạy phải dạy đủ định mức như giảng viên, vượt giờ được thanh toán theo quy định.

e) Thời gian giảng dạy vượt định mức của giảng viên hàng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

h) Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

Điều 13. Quy định về nghiên cứu khoa học

1. Thời gian làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong một năm học tối thiểu là 586 giờ hành chính (1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học).

2. Nội dung được tính giờ nghiên cứu khoa học và phương thức quy đổi

2.1. Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung nghiên cứu	Số năm được tính giờ	Giờ /năm
1	Đề tài cấp Nhà nước:		
	- Chủ nhiệm đề tài	3	550
	- Phó chủ nhiệm, Thư ký đề tài	3	400
	- Thành viên tham gia	3	350
2	Đề tài nhánh cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành Phố:		
	- Chủ nhiệm đề tài	2	400
	- Phó chủ nhiệm, Thư ký đề tài	2	350
	- Thành viên tham gia	2	300
3	Chủ nhiệm đề tài cấp Trường, cấp Viện	1	250
4	Xây dựng đề án, dự án về tổ chức, đào tạo và nghiên cứu khoa học	Theo yêu cầu về thời gian cụ thể của đề án, dự án	
	- Chủ nhiệm đề án, dự án		350
	- Phó chủ nhiệm, Thư ký đề án, dự án		300
	- Thành viên tham gia		250
5	Các chuyên đề độc lập của đề tài:		
	- Chuyên đề của đề tài cấp Nhà nước	1	150
	- Chuyên đề của đề tài nhánh cấp NN, cấp Bộ, cấp Thành phố	1	150

2.2. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, chuyên đề

TT	Nội dung nghiên cứu	Số năm được tính giờ	Giờ/năm
1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành/chuyên ngành mới:		
	- Tác giả biên soạn	1	450 g
	- Chủ tịch HĐ	1	350 g
	- Các thành viên và Thư ký hội đồng	1	300g/ng
2	Chỉnh lý, bổ sung chương trình đào tạo ngành/chuyên ngành		
	- Tác giả biên soạn	1	250 g
	- Chủ tịch HĐ	1	200 g
	- Các thành viên và Thư ký hội đồng	1	150g/ng
3	Biên soạn giáo trình		
	- Tác giả biên soạn	1	350g/ĐVHT
	- Chủ tịch HĐ	1	250g/ĐVHT

	- Các thành viên và Thư ký hội đồng	1	200g/ĐVHT
4	Biên soạn chuyên đề cấp trường		
	- Tác giả biên soạn	1	250 g
	- Chủ tịch HĐ	1	200 g
	- Các thành viên và Thư ký hội đồng	1	150g/ng

2.3. Biên soạn sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo được xuất bản, đề cương, ngân hàng câu hỏi

TT	Nội dung nghiên cứu	Số năm được tính giờ	Giờ	Ghi chú
1	Biên soạn đề cương, ngân hàng câu hỏi	1	60g/ĐVHT	*Nếu các tài liệu trên được thực hiện bởi nhiều tác giả thì nhóm tác giả tự phân chia số giờ theo mức đóng góp của các thành viên*
2	Chỉnh lý bổ sung đề cương, ngân hàng câu hỏi	1	25g/ĐVHT	
3	Biên soạn câu hỏi cho các cuộc thi Olympic	1	60g/ĐVHT	
4	Biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo	1	20g/ trang	
5	Dịch tài liệu chuyên môn (có đăng ký và thẩm định): - Dịch tài liệu - Dịch phim	 1 1	 20g/trang 20g/10 phút	

2.4. Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật

TT	Nội dung nghiên cứu	Giờ
1	Bài đăng tạp chí khoa học quốc tế	650
2	Bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm (theo quy định của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước)	200
3	Bài viết chuyên môn đăng ở các báo và tạp chí khác	150
4	Bài nghiên cứu đăng trên trang web của Trường	100

2.5. Viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước.

TT	Nội dung nghiên cứu	Giờ
1	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế	300
2	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học cấp bộ trở lên	200
3	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường và viện trực thuộc Trường	100
4	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học cấp khoa	70

2.6. Các tác phẩm nghệ thuật (phim, vở diễn, ảnh,....) được công bố (*Thành phần sáng tạo gồm: diễn viên, quay phim, họa sĩ, đạo diễn, biên đạo múa.....của tác phẩm đều được tính*)

TT	Nội dung nghiên cứu	Giờ/tác phẩm
1	01 tác phẩm (phim, vở diễn, triển lãm) được giải thưởng ngoài nước	550
2	01 tiết mục, tác phẩm đơn lẻ (múa, ảnh...) được giải thưởng ngoài nước	350
3	01 tác phẩm (phim, vở diễn, triển lãm ảnh) được giải thưởng trong nước	450
4	01 tiết mục, tác phẩm đơn lẻ (múa, ảnh...) được giải thưởng trong nước	250
5	01 tác phẩm (phim, vở diễn) được giải thưởng trong Trường	150
6	01 tiết mục, tác phẩm đơn lẻ (múa, ảnh...) được giải thưởng trong Trường	70
7	Xây dựng, dàn dựng kịch bản sân khấu, lễ hội và sự kiện văn hóa... cấp Thành phố trở lên	200
8	Xây dựng, dàn dựng kịch bản sân khấu, lễ hội và sự kiện văn hóa... cấp Trường	70
9	01 tác phẩm nghệ thuật (phim, âm nhạc, vở diễn, triển lãm ảnh, , múa...) được công bố cấp trường	70
10	01 tác phẩm nghệ thuật (phim, âm nhạc, vở diễn, triển lãm ảnh, múa...) được công bố cấp Trung ương	150
11	01 tác phẩm nghệ thuật (phim, âm nhạc, vở diễn, triển lãm ảnh, múa...) được công bố ngoài nước	200
12	Các tác phẩm văn học, nhiếp ảnh, tiểu luận phê bình đăng báo trung ương	150
13	Các tác phẩm văn học, nhiếp ảnh, tiểu luận phê bình đăng báo địa phương	50
14	Kịch bản văn học được sử dụng để sản xuất phim hoặc dàn dựng thành vở diễn cấp Thành phố trở lên	250
15	Kịch bản văn học được sử dụng để sản xuất phim hoặc dàn dựng thành vở diễn cấp Trường	150

2.7. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ

TT	Nội dung nghiên cứu	Số năm được tính	Giờ /năm
1	Luận văn thạc sĩ	1	200
2	Luận án tiến sĩ	2	350

2.8 Hướng dẫn trợ giảng

TT	Nội dung nghiên cứu	Số HK được tính	Giờ NCKH
1	Hướng dẫn trợ giảng	1	20g/ĐVHT

2.9 Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung nghiên cứu	Số đề tài được tính	Giờ /đề tài
1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học	3	60

3. Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, Đảng, đoàn thể, có nghĩa vụ nghiên cứu khoa học theo khung định mức tại Điều 10 của Quy định này.
4. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là nghĩa vụ, trách nhiệm đối với giảng viên. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể. Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan. Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học *(01 giờ chuẩn giảng dạy tương đương 03 giờ nghiên cứu khoa học)*.

PHẦN IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Phân công - phân nhiệm

1. Căn cứ chương trình đào tạo và kế hoạch công tác tổng thể của Nhà trường trong năm học và từng học kỳ, Trưởng khoa phân công cho tổ bộ môn hoặc từng giảng viên của khoa thực hiện định mức giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các kế hoạch công tác khác.

2. Phòng Đào tạo, quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Hành chính tổng hợp (HCTH) phối hợp với các khoa thực hiện kế hoạch đào tạo; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và chế độ làm việc đối với giảng viên của các khoa, tổ bộ môn.

3. Quy trình thực hiện

a) Sau 07 ngày kể từ khi kết thúc năm học, giảng viên làm phiếu báo công *(theo mẫu)* gửi về khoa/trung tâm đào tạo. Giảng viên biên chế ở đơn vị nào thì giảng viên có trách nhiệm báo công cho đơn vị mình (kể cả giảng dạy ở các đơn vị khác trong Trường). Giảng viên công tác tại các phòng, ban hoặc tương đương tham gia giảng dạy cho nhiều đơn vị (hoặc dạy cho cả đại học và sau đại học), giảng viên đó báo công trực tiếp cho khoa/trung tâm nào

chịu trách nhiệm chính về môn học mà giảng viên đó chủ yếu tham gia giảng dạy để tổng hợp thanh toán.

b) Sau 07 ngày kể từ khi giảng viên gửi phiếu báo công, khoa/trung tâm đào tạo rà soát, tổng hợp bảng thanh toán gửi về phòng Đào tạo, QLKH và HTQT và phòng HCTH để thanh toán và tính thi đua, phụ cấp theo chế độ.

c) Sau 07 ngày kể từ khi khoa/trung tâm đào tạo gửi bản tổng hợp thanh toán, phòng Đào tạo, QLKH và HTQT, phòng HCTH (bộ phận Tài vụ) rà soát, tổng hợp và trình BGH ký thanh toán.

d) Sau 05 ngày kể từ khi BGH ký bảng tổng hợp thanh toán, phòng HCTH (bộ phận Tài vụ) phải hoàn thiện các thủ tục và tiến hành thanh toán cho giảng viên.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các phòng ban, khoa, đơn vị trực thuộc liên qua và giảng viên, có trách nhiệm thực hiện Quy định này kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện nếu cần sửa đổi, bổ sung nội dung Quy định, các đơn vị trực thuộc gửi văn bản về phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế để tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

PGS.TS Nguyễn Đình Thi